

Bình Thuận, ngày 05 tháng 01 năm 2024

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ IV NĂM 2023

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Căn cứ Quyết định số 216/QĐ-SKHCN ngày 29/12/2022 của Sở Khoa học công nghệ tỉnh Bình Thuận về việc giao dự toán ngân sách năm 2023;

Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng công khai tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách quý IV năm 2023 như sau:

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý IV năm 2023	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý IV năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
III	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	3.102,769	1.159,792	37,38	253,66
I	Nguồn ngân sách trong nước	3.102,769	1.159,792	37,38	253,66
1	Chi quản lý hành chính	1.723,000	409,405	23,76	83,60
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	1.708,000	409,405	23,97	100,41
	- Kinh phí khoán chi	1.675,600	406,389	24,25	99,67
	- Tiết kiệm chi 10%	32,400	3,016	9,31	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	15,000	-	-	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	1.268,030	638,648	50,37	779,04
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	1.268,030	638,648	50,37	779,04
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	300,000		-	
3	Kinh phí Cải cách tiền lương	111,739	111,739	100,00	

Ngày 05 tháng 01 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị



Lê Thị Kim Ngân

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG CUỐI NĂM 2023

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Căn cứ Quyết định số 216/QĐ-SKHCHN ngày 29/12/2022 của Sở Khoa học công nghệ tỉnh Bình Thuận về việc giao dự toán ngân sách năm 2023;

Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng công khai tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách 6 tháng cuối năm 2023 như sau:

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 6 tháng cuối năm 2023	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện 6 tháng cuối năm so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	3.102,769	1.719,578	55,42	170,53
I	Nguồn ngân sách trong nước	3.102,769	1.719,578	55,42	170,53
1	Chi quản lý hành chính	1.723,000	869,354	50,46	111,03
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	1.708,000	869,354	50,90	111,03
	- Kinh phí khoán chi	1.675,600	836,954	49,95	106,89
	- Tiết kiệm chi 10%	32,400	32,400	100,00	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	15,000		-	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	1.268,030	738,485	58,24	327,65
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	1.268,030	738,485	58,24	327,65
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	300,000		-	
3	Kinh phí Cải cách tiền lương	111,739	111,739	100,00	

Ngày 05 tháng 01 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị



Lê Thị Kim Ngân

Biểu số 3 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính
Đơn vị: Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng
Chương: 417

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Bình Thuận, ngày 01 tháng 03 năm 2024

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH NĂM 2023

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Căn cứ Quyết định số 216/QĐ-SKHCHN ngày 29/12/2022 của Sở Khoa học công nghệ tỉnh Bình Thuận về việc giao dự toán ngân sách năm 2023;

Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng công khai tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách năm 2023

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện năm 2023	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện năm 2023 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	3.102,769	2.793,345	90,03	139,40
I	Nguồn ngân sách trong nước	3.102,769	2.793,345	90,03	139,40
1	Chi quản lý hành chính	1.723,000	1.723,000	100,00	105,32
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	1.708,000	1.708,000	100,00	104,40
	- Kinh phí khoán chi	1.675,600	1.675,600	100,00	102,42
	- Tiết kiệm chi 10%	32,400	32,400	100,00	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	15,000	15,000	100,00	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	1.268,030	958,606	75,60	260,59
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	1.268,030	958,606	75,60	260,59
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	300,000		-	
3	Kinh phí Cải cách tiền lương	111,739	111,739	100,00	

Ngày 01 tháng 03 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị



Lê Thị Kim Ngân

SỞ KH&CN BÌNH THUẬN
CHI CỤC TC-ĐL-CL
Số: 15 /QĐ-CCTĐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Bình Thuận, ngày 20 tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2023
của Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Bình Thuận**

CHI CỤC TRƯỞNG CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG BÌNH THUẬN

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 29/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 31/2021/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 của UBND tỉnh Bình Thuận về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thuộc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Bình Thuận;

Căn cứ Thông báo số 54/TB-SKH&CN ngày 13/3/2024 của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Bình Thuận về việc thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2023;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Nghiệp vụ 1.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2023 của Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Bình Thuận theo biểu đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Nghiệp vụ 1, Trưởng các phòng thuộc Chi cục và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở KH&CN (báo cáo)
- Lưu: VT, NV1.



Lê Thị Kim Ngân

Đơn vị: Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng
Chương: 417

Biểu số 4
(Ban hành kèm theo Thông tư số
90/2018/TT-BTC ngày 29/8/2018
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023



Kèm theo Quyết định số 15 /QĐ-CCTĐC ngày 20/3/2023 của
Chi cục TCĐLCL Bình Thuận)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch
1	2	3	4	5 = 4 - 3
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	0	0	0
I	Số thu phí, lệ phí	0	0	0
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại	0	0	0
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	0	0	0
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	2.793,345	2.793,345	0
I	Nguồn ngân sách trong nước	2.793,345	2.793,345	0
1	Chi quản lý hành chính	1.723	1.723	0
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	1.708	1.708	0
	- Kinh phí khoán chi	1.675,6	1.675,6	
	- Tiết kiệm chi 10%	32,4	32,4	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	15	15	0
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	958,606	958,606	0
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ			
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	958,606	958,606	0
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
3	Kinh phí cải cách tiền lương	111,739	111,739	



THUYẾT MINH QUYẾT TOÁN
NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023 CỦA
CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG BÌNH THUẬN
(Kèm theo Quyết định số 15/QĐ-CCTĐC ngày 20/3/2024 của
Chi cục TCDLCL)

I – Quyết toán chi NSNN trong năm:

1. Số liệu quyết toán:

1.1. Quyết toán chi ngân sách:

1.1. Loại 100.103:

- Số dư kinh phí năm trước chuyển sang:	0 đồng;
- Dự toán được giao trong năm:	1.268.030.000 đồng,
trong đó:	
+ Dự toán giao đầu năm:	1.268.030.000 đồng;
+ Dự toán bổ sung trong năm:	0 đồng;
- Kinh phí thực nhận trong năm:	958.606.179 đồng;
- Kinh phí quyết toán:	958.606.179 đồng;
- Kinh phí giảm trong năm:	309.423.821 đồng;
- Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán:	0 đồng

1.2. Loại 340.341:

- Số dư kinh phí năm trước chuyển sang:	0 đồng
- Dự toán được giao trong năm:	1.819.687.000 đồng;
trong đó:	
+ Dự toán giao đầu năm:	1.819.687.000 đồng;
+ Dự toán bổ sung trong năm:	0 đồng;
- Kinh phí thực nhận trong năm:	1.819.687.000 đồng;
- Kinh phí quyết toán:	1.819.687.000 đồng;
- Kinh phí giảm trong năm:	0 đồng;
- Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán:	0 đồng

1.3. Loại 400.428:

- Số dư kinh phí năm trước chuyển sang:	0 đồng
- Dự toán được giao trong năm:	15.052.000 đồng;
trong đó:	
+ Dự toán giao đầu năm:	15.052.000 đồng;

- + Dự toán bổ sung trong năm: 0 đồng;
- Kinh phí thực nhận trong năm: 15.052.000 đồng;
- Kinh phí quyết toán: 15.052.000 đồng;
- Kinh phí giảm trong năm: 0 đồng;
- Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán: 0 đồng

2 . Thuyết minh số liệu quyết toán:

- Đơn vị thực hiện sử dụng và quyết toán kinh phí đối với các nhiệm vụ chi theo đúng quy định. Dự toán huỷ là do không sử dụng hết kinh phí được giao. Không phát sinh chênh lệch giữa số liệu báo cáo và xét duyệt.